STAY HUNGRY FOR SUCCESS

MARKET INSIGHTS

REPORTS

29.02.2024

DOANH SỐ BÁN LẺ PHỤC HỒI TỐT TRONG 2 THÁNG ĐẦU NĂM – CỔ PHIẾU BÁN LẺ TĂNG GIÁ MẠNH



CTCP Chứng khoán Smart Invest - Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04	CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
05	TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
06	PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
	Ngay cả khi tăng điểm, nhiều cổ phiếu vẫn có thể tiếp tục điều chỉnh giảm giá
07	HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
07	CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
08	DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
08	TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
09	BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
	Sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển (Số liệu lũy kế)
	Doanh số bán lẻ phục hồi ấn tượng (Số liệu lũy kế)
10	TTCK MỸ
	Dự báo các chỉ số chứng khoán Mỹ sẽ giao dịch giảm điểm vào tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY









ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	556
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	214
Số cổ phiếu giảm giá	262
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	80

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	242
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	65
Số cổ phiếu giảm giá	83
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	94

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	357
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	124
Số cổ phiếu giảm giá	117
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	116

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	96,923.06	111,189.16	(14,266.11)
% KL toàn thị trường	8.88%	10.19%	
Giá trị	2,532,009	2,919,288	(387,280)
% GT toàn thị trường	9.69%	11.17%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	3,561.48	5,037.57	(1,476.09)
% KL toàn thị trường	8.88%	10.19%	
Giá trị	95,923	135,207	(39,284)
% GT toàn thị trường	4.44%	6.26%	

UPCOM

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	613.47	277.22	336.25
% KL toàn thị trường	1.76%	0.79%	
Giá trị	18,813	10,651	8,162
% GT toàn thị trường	2.99%	1.69%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,897,000	97,300	-100 (-0.1%)	16.46	3.23	5,910	543,819
2	BID	1,337,300	53,000	-900 (-1.67%)	16.96	2.46	3,125	302,123
3	CTG	12,798,100	35,550	-400 (-1.11%)	10.18	1.50	3,491	190,903
4	VHM	11,041,300	43,400	-1,000 (-2.25%)	5.71	1.04	7,607	188,980
5	HPG	33,580,500	31,000	400 (1.31%)	21.35	1.75	1,452	180,258
6	GAS	1,255,800	77,400	-600 (-0.77%)	15.57	2.72	4,972	177,768
7	VIC	4,017,000	45,000	-600 (-1.32%)	81.08	1.16	555	172,065
8	VPB	17,115,500	19,900	0 (0%)	13.77	1.13	1,445	157,885
9	VNM	6,539,800	72,000	-200 (-0.28%)	18.97	4.30	3,796	150,477
10	TCB	9,026,500	42,200	0 (0%)	7.37	1.13	5,725	148,650

TỐP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX

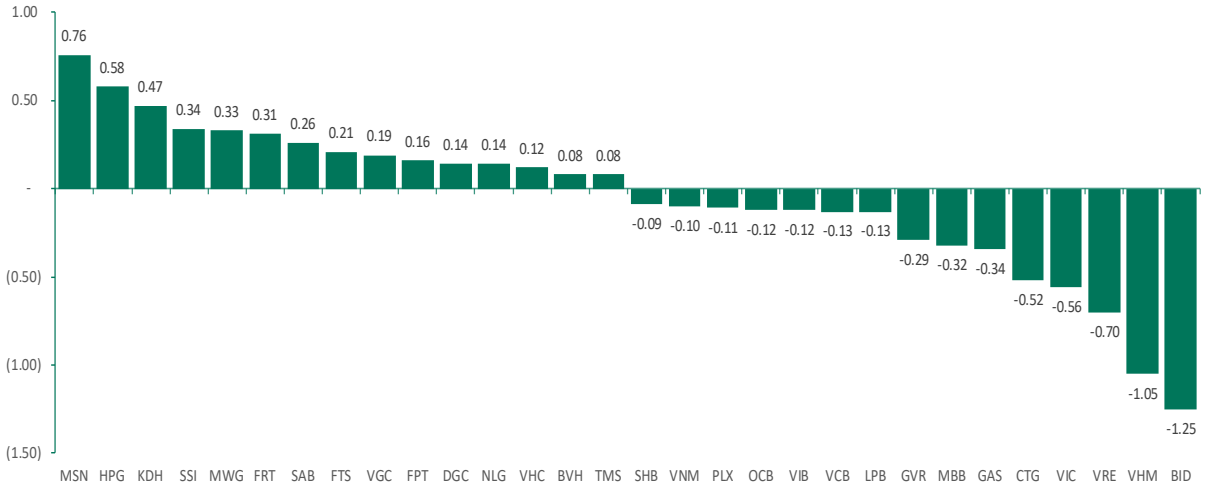

TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

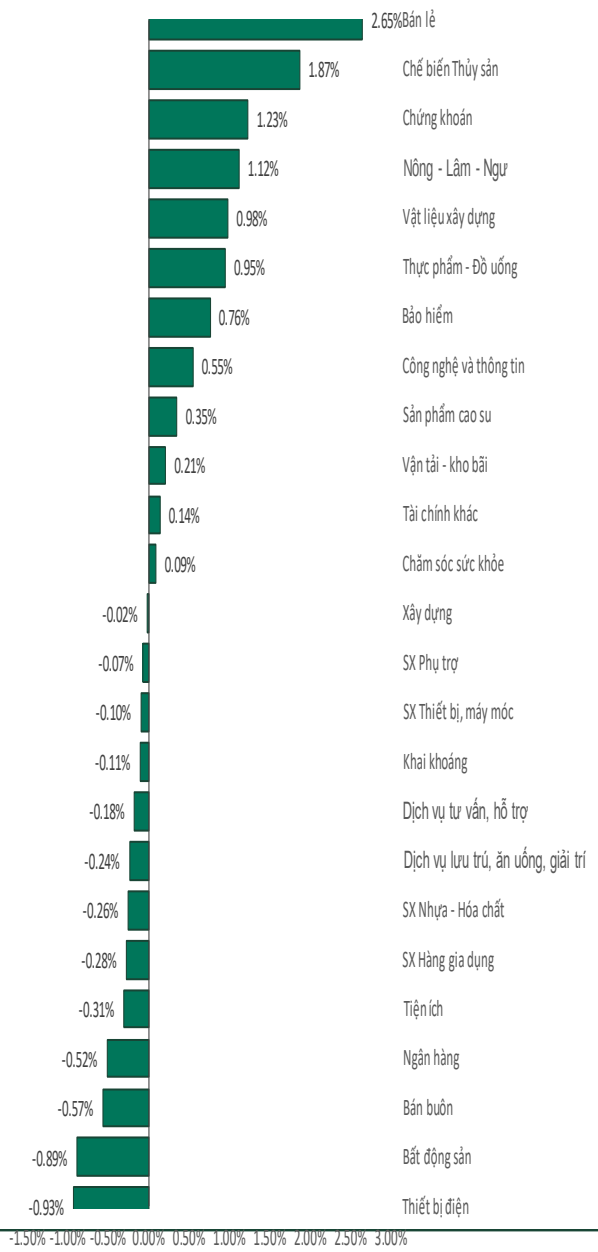

Doanh số bán lẻ phục hồi tốt trong 2 tháng đầu năm – Cổ phiếu bán lẻ tiếp tục tăng giá mạnh

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 1.82 điểm (- 0.15%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Bán lẻ, chế biến thủy sản, chứng khoán, nông lâm ngư, vật liệu xây dựng, thực phẩm đồ uống, bảo hiểm, công nghệ thông tin… là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như MWG, PNJ, FRT, ANV, VHC, ASM, FMC, SSI, HCM, VCI, FTS, BSI, HPG, VGS, VNM, MSN, HAG, VIF, VGC, VCS, SAB, BVH, PVI, VNR, FPT, CTR…Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "GAP UP";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá cổ phiếu chạm sóng hỗ trợ sóng 4 (Vận động theo mô hình ABC) và phục hồi hướng tới sóng 5 với vùng giá mục tiêu 52 – 57;
- ✓ MWG tự tin hoàn thành kết quả kinh doanh năm 2024 trong buổi AM chiều ngày hôm qua;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(ii) ANV tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Spinning Top";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vận động theo mô hình sóng 5 với mục tiêu giá từ 37 – 41;
- ✓ Xuất khẩu thủy sản vẫn duy trì đà phục hồi tốt trong tháng 2/2024;
- ✓ Trong báo cáo doanh nghiệp, chúng tôi định giá ANV ở mức giá hợp lý 39;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(iii) VHC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới trong 52 tuần – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá trong sóng 5 với mục tiêu giá từ 74 – 76;
- ✓ Giá thuê giàn khoan PVD lập kỷ lục mới ở mức 100,000 USD/ngày;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(iv) SSI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "GAP UP";";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá hướng tới mục tiêu sóng 5 là vùng giá 38 – 39;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 70%;

(v) FTS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá mục tiêu sóng 5 là 60 – 65;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 50%;

(vi) CTR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 108 – 124;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(vii) MSN tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "BIG GAP UP";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ MA(200) tương ứng với vùng giá 72 đang là kháng cự;
- ✓ Chúng tôi có tông tin Bản Việt đang làm đối tác tư vấn phát hành vốn cho MSN (Tin chưa kiểm chứng);
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(2) Thiết bị điện, bất động sản, bán buôn, ngân hàng, tiện ích, sản xuất hàng gia dụng, sản xuất nhựa hóa chất… là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như GEX, VHM, VIC, VRE, PLX, HHS, VCB, BID, CTG, MBB, VIB, LPB, GAS, POW, TCM, MSH, TNG, GIL, GVR, DCM, DPM…Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Xu hướng trung hạn vẫn là giá giảm khi đợt phục hồi không vượt được kháng cự 51;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại quanh vùng giá 43;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(ii) CTG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hỗ trợ giảm giá là32 – 34 (Sóng 4 giảm giá đang hình thành);
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Ngay cả khi tăng điểm, nhiều cổ phiếu vẫn có thể tiếp tục điều chỉnh giảm giá

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch "Small Black Candle". Khối lượng tăng và nằm trên trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tiêu cực;

Các điểm cần lưu ý: (i) Xét trung hạn, chúng tôi tìm kiếm một xu hướng giá mục tiêu dài hơn của VN-Index với mô hình định lượng, kết quả mô phỏng mô hình của chúng tôi cho thấy VN-Index có xác suất tăng điểm tới 71% sẽ đạt mộc 1,438 điểm (Tất nhiên, thông thường mô hình này để đạt mục tiêu cần kéo dài nhiều tháng). (ii) Trong ngắn hạn, chúng tôi tìm kiếm một điểm đỉnh có khả năng xuất hiện sóng điều chỉnh (Đáng kể) thì theo sóng Elliott thì đỉnh của sóng tăng giá hiện tại sẽ là 1,283 tới 1,372 và có thể hình thành sóng 4 điều chỉnh với hỗ trợ quanh vùng 1,190 tới 1,221 điểm. (iii) Với phân kỳ âm đang xuất hiện giữa giá và RSI(14) có thể sẽ vẫn xuất hiện những cây nến giảm điểm 1-2 phiên rồi tăng trở lại trong quá trình tăng nhưng đó chỉ là quá trình nhỏ. (iv) Thực tế trong tuần vừa qua, dù chỉ số tăng điểm nhưng chúng ta đã có nhiều mã điều chỉnh từ 5 – 10% và quá trình phân hóa kiểu này vẫn có thể tiếp tục với trạng thái xoay tua tăng điểm của nhóm vốn hóa lớn và một vài cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ.

Theo phương pháp phân tích "Price Action" với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 09 mã cho tín hiệu bán, 13 mã cho tín hiệu đi ngang. BID, GVR, POW, VHM, VRE, ACB, VIC…cho tín hiệu tiêu cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 57.14% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Kháng cự là 1,300 điểm. Hỗ trợ là 1,210 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ chỉ số MWG (Sóng 5 hình thành với giá mục tiêu từ 52 – 57)

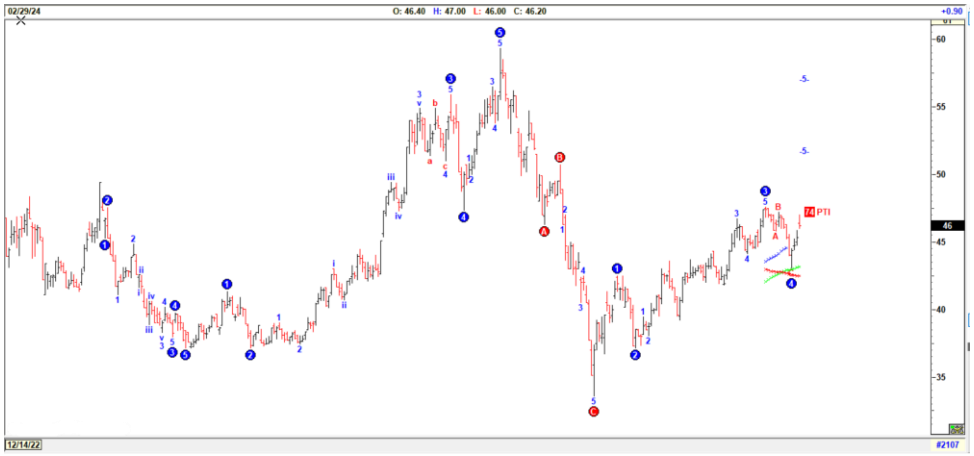

Biểu đồ cổ phiếu MSN (Sóng 5 hướng tới giá mục tiêu 78)



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	504.17	503.6	504.74	NO	508.92	512.53	517.28	520.89	500.56	495.81	492.2	487.45
HNXINDEX	235.22	235.11	235.34	YES	236.59	237.71	239.08	240.2	234.1	232.73	231.61	230.24
UPINDEX	90.61	90.6	90.62	YES	91.02	91.42	91.83	92.23	90.21	89.8	89.4	88.99
VN30	1266.97	1267.58	1266.36	YES	1275.68	1285.61	1294.32	1304.25	1257.04	1248.33	1238.4	1229.69
VNXALL	2022.15	2021.95	2022.35	YES	2035.04	2047.53	2060.42	2072.91	2009.66	1996.77	1984.28	1971.39
VNINDEX	1253.04	1253.19	1252.88	YES	1264.08	1275.44	1286.48	1297.84	1241.68	1230.64	1219.28	1208.24
VN30F1M	1263.1	1263.25	1262.95	YES	1271.2	1279.6	1287.7	1296.1	1254.7	1246.6	1238.2	1230.1
VN30F1Q	1264.73	1265.6	1263.87	YES	1273.27	1283.53	1292.07	1302.33	1254.47	1245.93	1235.67	1227.13
VN30F2M	1264.17	1264.3	1264.03	YES	1271.33	1278.77	1285.93	1293.37	1256.73	1249.57	1242.13	1234.97
VN30F2Q	1262.17	1263.05	1261.28	YES	1267.33	1274.27	1279.43	1286.37	1255.23	1250.07	1243.13	1237.97
ACB	27.98	27.98	27.99	YES	28.27	28.53	28.82	29.08	27.72	27.43	27.17	26.88
BCM	63.7	63.9	63.5	NO	64.2	65.1	65.6	66.5	62.8	62.3	61.4	60.9
BID	53.33	53.5	53.17	NO	53.67	54.33	54.67	55.33	52.67	52.33	51.67	51.33
BVH	42.97	43	42.93	YES	43.23	43.57	43.83	44.17	42.63	42.37	42.03	41.77
CTG	35.68	35.75	35.62	NO	36.17	36.78	37.27	37.88	35.07	34.58	33.97	33.48
GVR	28.55	28.52	28.58	YES	28.95	29.3	29.7	30.05	28.2	27.8	27.45	27.05
FPT	108.7	108.55	108.85	NO	109.7	110.4	111.4	112.1	108	107	106.3	105.3
GAS	77.7	77.85	77.55	NO	78.2	79	79.5	80.3	76.9	76.4	75.6	75.1
HDB	23.28	23.27	23.29	YES	23.42	23.53	23.67	23.78	23.17	23.03	22.92	22.78
HPG	30.88	30.83	30.94	NO	31.27	31.53	31.92	32.18	30.62	30.23	29.97	29.58
MBB	24.22	24.25	24.18	NO	24.48	24.82	25.08	25.42	23.88	23.62	23.28	23.02
MSN	70.33	70.3	70.37	YES	71.57	72.73	73.97	75.13	69.17	67.93	66.77	65.53
PLX	35.98	36.05	35.92	NO	36.27	36.68	36.97	37.38	35.57	35.28	34.87	34.58
MWG	46.4	46.5	46.3	NO	46.8	47.4	47.8	48.4	45.8	45.4	44.8	44.4
POW	11.73	11.77	11.69	NO	11.82	11.98	12.07	12.23	11.57	11.48	11.32	11.23
SAB	58.53	58.55	58.52	YES	59.17	59.83	60.47	61.13	57.87	57.23	56.57	55.93
SSB	22.85	22.83	22.88	NO	23.05	23.2	23.4	23.55	22.7	22.5	22.35	22.15
SHB	11.87	11.9	11.83	NO	11.98	12.17	12.28	12.47	11.68	11.57	11.38	11.27
SSI	37	37	37	YES	37.7	38.4	39.1	39.8	36.3	35.6	34.9	34.2
TCB	42	41.9	42.1	NO	42.65	43.1	43.75	44.2	41.55	40.9	40.45	39.8
STB	31.48	31.45	31.52	NO	31.87	32.18	32.57	32.88	31.17	30.78	30.47	30.08
TPB	19.93	19.98	19.89	NO	20.17	20.48	20.72	21.03	19.62	19.38	19.07	18.83
VHM	43.83	44.05	43.62	NO	44.27	45.13	45.57	46.43	42.97	42.53	41.67	41.23
VIB	22.03	22.1	21.97	NO	22.27	22.63	22.87	23.23	21.67	21.43	21.07	20.83
VCB	98.37	98.9	97.83	NO	99.43	101.57	102.63	104.77	96.23	95.17	93.03	91.97
VIC	45.38	45.58	45.19	NO	45.77	46.53	46.92	47.68	44.62	44.23	43.47	43.08
VJC	103.5	103.7	103.3	NO	103.9	104.7	105.1	105.9	102.7	102.3	101.5	101.1
VPB	19.92	19.92	19.91	YES	20.18	20.47	20.73	21.02	19.63	19.37	19.08	18.82
VNM	72.3	72.45	72.15	NO	73	74	74.7	75.7	71.3	70.6	69.6	68.9
VRE	26.85	27.02	26.68	NO	27.3	28.1	28.55	29.35	26.05	25.6	24.8	24.35

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì căn theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
KDH	13,925,900	2,697,730	516	6.94
MSN	8,297,600	3,767,290	220	3.07
NLG	8,044,000	2,710,030	297	3.66
FUEVFVND	5,010,500	1,682,330	298	0.41
RDP	**4,643,400**	**847,670**	**547.78**	**3.7**
SAB	2,670,400	1,193,310	224	1.39
BKG	1,524,400	46,760	3,260	6.88
E1VFVN30	**1,324,600**	**641,040**	**206.63**	**0.41**
BVS	1,238,000	328,420	377	4.17
VNH	636,000	114,720	554	-11.54
AGG	**619,200**	**202,870**	**305.22**	**-0.62**
ICF	475,000	73,180	649	16.67
MCO	459,800	209,890	219	-10
CMG	347,700	126,560	275	-0.12
DHT	327,400	154,440	212	-0.72
DHA	**229,300**	**104,710**	**218.99**	**-1.2**
FIC	172,400	780	22,103	-6.29
L18	167,900	52,000	323	3.57
THT	162,100	27,000	600	0
PSD	149,400	67,280	222	0
DBD	**147,400**	**50,400**	**292.46**	**0.91**
EIN	118,400	28,580	414	-5.56
HNM	108,300	51,810	209	1.06
BDT	83,000	40,240	206	0.77
KLB	82,000	19,950	411	-2.44
SPI	**76,100**	**31,480**	**241.74**	**9.68**
PGC	75,700	23,260	325	0
PVI	72,900	24,730	295	1.49
PTC	58,000	28,880	201	0
FUEMAVND	53,100	9,530	557	2
VID	52,700	14,840	355	2.36
HTI	46,100	18,660	247	0.29
HU4	41,500	19,870	209	-1.71
PWA	37,300	7,130	523	-2.63
VNF	36,900	5,410	682	0
DP3	36,800	15,320	240	-1.23
TXM	36,100	10,460	345	-8.33
HDM	35,700	12,600	283	2.11
VMC	29,200	4,490	650	-1.2
HSM	26,100	3,290	793	5.88

- Lưu ý: KDH, MSN, NLG…có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
28-Feb	VCB	Mua	≤ 100	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang thiết lập mới mục tiêu 113
28-Feb	VPB	Mua	≤ 20.3	10% -20%	Chúng tôi thấy dấu hiệu kết thúc sóng ABC và bắt đầu chu kỳ tăng giá
28-Feb	PVD	Mua	≤ 31.5	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang thiết lập mới mục tiêu 39
28-Feb	REE	Mua thêm	≤ 62	10% -20%	Buy Kumo Break out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI NÀO;**
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,210 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,300 điểm;
- Chúng tôi cho rằng VN-Index đang đi theo chu kỳ tháng 11/2017 và tháng 10/2020 – Do vậy, nhà đầu tư cần điều chỉnh chiến lược theo chu kỳ này ?
- Dòng tiền vẫn đẩy giá các cổ phiếu có nền giá tích lũy lâu (thủy sản, thép) hoặc các cổ phiếu đã có Break out trước đó (hóa chất, ngân hàng…);
- Nhóm cổ phiếu bất động sản có triển vọng kinh doanh tốt như KDH, NLG…được nhà đầu tư đẩy mạnh mua vào;
- Nhóm bán lẻ tăng giá theo đà tăng trưởng của doanh số bán lẻ;
- Vốn hóa lớn dường như đang được ưu tiên hơn

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- **Thị trường ngoại tệ:** Phiên 28/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.003 VND/USD, giảm trở lại 11 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.153 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.643 VND/USD, chỉ tăng 01 đồng so với phiên 27/02. Tỷ giá trên thị trường tự do không thay đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.250 VND/USD và 25.350 VND/USD.
- **Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 28/02, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,16 – 1,07 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 2,33%; 1W 2,51%; 2W 2,60% và 1M 2,71%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi giảm 0,02 đpt ở kỳ hạn 1W và tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 2W; giao dịch tại: ON 5,18%; 1W 5,28%; 2W 5,35%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở tất cả các kỳ hạn; chốt phiên ở mức: 3Y 1,26%; 5Y 1,45%; 7Y 1,84%; 10Y 2,33%; 15Y 2,56%.
- **Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, có 946,47 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 946,47 tỷ đồng từ thị trường, không còn khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển (Số liệu lũy kế)

SẢN LƯỢNG HÀNG THÔNG QUA CẢNG BIỂN

Thời gian báo cáo	Tổng số	Chia theo nguồn hàng				Chia theo loại hàng				Hàng quá cảnh
		Hàng xuất khẩu	Hàng nhập khẩu	Hàng nội địa	Hàng quá cảnh bốc dỡ	Hàng container		Hàng lỏng	Hàng khô	
	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn TEUS	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn
2024 02	111,614	28,684	33,884	48,593	453	N/A	4,054	N/A	N/A	N/A
2024 01	68,716	17,383	20,931	30,127	275	N/A	2,400	N/A	N/A	N/A
2023 12	756,888	179,178	221,946	352,710	3,053	248,892	24,708	81,248	424,240	83,819
2023 11	693,756	164,233	203,434	323,291	2,798	228,132	22,647	74,471	388,854	76,828
2023 10	630,687	149,303	184,940	293,855	2,589	207,393	20,588	67,701	353,504	69,834
2023 09	564,917	132,743	165,342	264,764	2,068	184,544	18,360	61,312	316,993	61,506
2023 08	502,356	117,961	146,397	236,371	1,627	163,226	16,239	55,633	281,870	55,709
2023 07	433,856	101,294	126,885	204,425	1,252	140,379	13,981	48,834	243,385	44,258
2023 06	362,878	85,156	105,443	171,260	1,019	118,210	11,759	41,258	202,391	43,436
2023 05	296,102	71,728	84,380	139,312	682	97,339	9,713	34,303	163,779	38,070
2023 04	230,827	56,404	65,249	108,570	604	76,115	7,343	26,769	127,339	29,747
2023 03	167,243	41,627	47,444	77,735	437	54,787	5,301	20,180	91,839	21,446
2023 02	102,911	26,597	29,226	46,846	242	32,688	3,203	13,431	56,550	12,322

TĂNG TRƯỞNG (%YOY)_LŨY KẾ

Thời gian báo cáo	Tổng số	Chia theo nguồn hàng				Chia theo loại hàng				Hàng quá cảnh
		Hàng xuất khẩu	Hàng nhập khẩu	Hàng nội địa	Hàng quá cảnh bốc dỡ	Hàng container		Hàng lỏng	Hàng khô	
	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn TEUS	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn
2024 02	8.46%	7.85%	15.94%	3.73%	87.19%		26.57%			
2024 01	42.82%	29.26%	48.93%	47.31%	70.81%		47.42%			
2023 12	3.23%	0.06%	6.06%	2.89%	48.40%	2.23%	-1.53%	3.97%	3.60%	0.15%
2023 11	4.08%	0.88%	6.94%	3.74%	49.55%	3.07%	-0.72%	4.83%	4.45%	0.14%
2023 10	3.46%	0.52%	6.40%	2.93%	44.80%	2.78%	-1.52%	6.19%	3.28%	4.75%
2023 09	2.67%	-1.14%	5.38%	2.82%	33.51%	1.46%	-2.79%	7.46%	2.34%	3.81%
2023 08	1.37%	-2.92%	3.02%	2.48%	24.39%	-0.28%	-4.60%	9.43%	0.76%	6.82%
2023 07	0.05%	-4.77%	1.50%	1.61%	18.56%	-2.23%	-6.34%	10.47%	-0.58%	-3.21%
2023 06	-2.36%	-7.58%	-1.72%	0.11%	-11.47%	-3.58%	-7.74%	9.54%	-3.73%	14.53%
2023 05	-3.40%	-7.29%	-3.16%	-1.52%	21.57%	-3.81%	-8.03%	7.52%	-5.26%	13.04%
2023 04	-4.21%	-8.95%	-3.32%	-2.18%	12.69%	-4.71%	-11.54%	5.40%	-5.78%	11.74%
2023 03	-3.02%	-5.74%	-11.60%	4.71%	15.00%	-5.62%	-12.71%	5.38%	-8.01%	11.96%
2023 02	-5.69%	-0.40%	-14.48%	-2.37%	-6.92%	-11.06%	-18.42%	9.58%	-10.23%	8.78%

Doanh số bán lẻ đang phục hồi ấn tượng (Số liệu lũy kế)

THỜI GIAN	Doanh thu bán lẻ	Trong đó: Lương thực, thực phẩm	Trong đó: Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình	Trong đó: Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	Trong đó: Hàng may mặc	Trong đó: Vật phẩm văn hoá, giáo dục
2024 02	798,277.00	294,717.91	93,456.38	37,598.82	42,717.04	9,501.23
2024 01	404,590.26	144,465.94	47,494.05	19,293.48	21,783.96	5,095.02
2023 12	4,771,106.90	1,665,488.90	516,966.62	228,168.29	242,218.19	63,728.51
2023 11	4,377,420.16	1,524,912.11	474,744.51	208,811.67	222,243.33	58,600.46
2023 10	3,951,164.18	1,377,144.83	426,411.18	189,945.45	200,318.41	52,425.91
2023 09	3,532,119.33	1,232,287.94	378,519.31	171,460.29	179,016.41	46,363.49
2023 08	3,125,763.91	1,090,594.84	332,781.45	153,859.96	158,433.86	40,277.13
2023 07	2,731,636.23	956,116.32	288,742.57	136,264.35	138,197.49	33,995.46
2023 06	2,334,163.86	822,138.28	244,076.04	116,310.97	117,568.19	28,323.26
2023 05	1,936,409.02	685,321.65	200,903.41	96,234.78	97,145.77	22,896.47
2023 04	1,540,418.03	547,340.69	159,041.67	76,560.67	77,193.02	16,974.73
2023 03	1,136,446.42	405,601.06	117,825.90	56,241.73	57,575.15	12,399.20
2023 02	747,648.93	265,990.89	79,133.26	36,934.01	38,904.41	8,155.57

AAPL đang ở khu vực nhạy cảm – Break Down khiến cổ phiếu bước vào chu kỳ giảm giá



Nhóm ngành tài chính và công nghiệp đang có xu hướng tăng trở lại ?

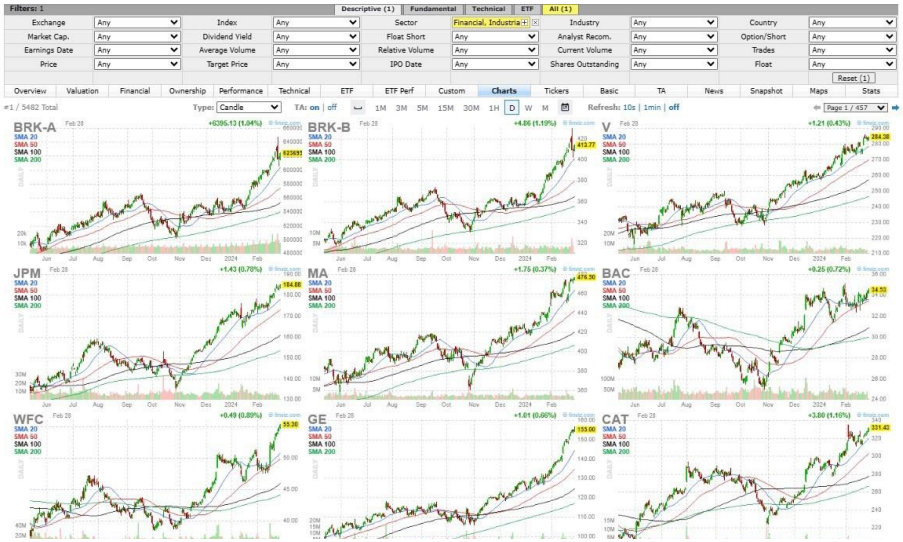

Vốn hóa đang ở khúc cua quan trọng



Thập kỷ tới tăng trưởng EPS chỉ đạt 3%/năm ?



<u>Kết luận:</u> *Dự báo tối nay các chỉ số giao dịch giảm điểm.*

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

AAS
STAY HUNGRY FOR SUCCESS

Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

https://www.aas.com.vn

0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay